

# CHÍNH SÁCH VÀ TRÁCH NHIỆM VỚI NÔNG DÂN VÀ NÔNG THÔN

■ Nguyễn Thái Nguyên

**Đã đến lúc chúng ta phải đánh giá lại một cách thật khoa học và thực tiễn những gì thuộc truyền thống của nền “văn minh lúa nước” phải phát huy và những gì cần phải thay đổi một cách căn bản, triệt để vì nền nông nghiệp như chúng ta là một nền nông nghiệp sử dụng hóa chất và tiêu dùng nước vô cùng lớn, trong khi môi trường sinh thái ngày càng tệ và nước kể cả nước mặt cũng như nước trong lòng đất của chúng ta không phải là vô hạn, nếu không nói rằng đã bắt đầu khan hiếm.**

Ngoại trừ thủy lợi và giao thông nông thôn ra, bản thân nền nông nghiệp nước ta trong hàng chục năm qua về cơ bản chưa có bước chuyển biến nào đáng kể, nhất là các tỉnh miền Bắc. Nếu nói “*nhất nước*” thì chưa thể yên tâm rằng đã giải quyết xong hay cơ bản bảo đảm được vấn đề úng và hạn như là một căn bệnh kinh niên của nền nông nghiệp lúa nước. Mặt khác, mô hình thủy lợi mà nền nông nghiệp nước ta áp dụng là mô hình lạc hậu nhất, hao tốn nước mặt nhiều nhất. Trong khi nhân loại đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng nước ngọt với hằng hà sa số những lời khuyên cáo từ Liên Hợp Quốc thì chúng ta, hình như vẫn đinh ninh rằng “*nhiều như nước, rẻ như nước*”, không hề có một chút lo lắng nào về nguồn nước đang cạn

kiệt một cách nhanh chóng. “*Nhi phân*” thì liệu đã hơn gì về lượng? còn chất thì chắc chắn ngày càng kém hơn vì hóa học là chủ yếu. Phân bón sinh học và hữu cơ nói cho có thôi chứ không mấy ai có thể đầu tư được nữa, trừ một số rất ít rau, hoa, quả trong các vườn của các hộ gia đình theo kiểu tự cung tự cấp. “*Tam cần*”? Hiện tượng một bộ phận nông dân “*trả ruộng*” là con số nhỏ, nhưng nói rằng nông dân đang hết lòng hết sức một nắng hai sương gắn bó với ruộng đồng cũng không còn được như xưa. Vì sao? Không phải vì nông dân bây giờ “*lười nhác*” hơn thời mới thực hiện cơ chế khoán mà chủ yếu là lợi ích của họ trên mảnh đất được giao đã kém hơn trước đây. Thuế nông nghiệp tuy đã được bãi bỏ, nhưng trên lưng người nông dân, mà rốt cuộc quy về thửa ruộng được giao





khoản còn rất nhiều khoản phí như một loại ký sinh trùng ăn bám ngày càng nhiều, càng nặng mà nhiều phương tiện truyền thông đã nêu thì người nông dân càng đầu tư nhiều công sức và chi phí càng lỗ. Là một nước mỗi năm xuất khẩu 7 triệu tấn gạo, mang về 4 tỷ USD, nhưng thu nhập của người nông dân bây giờ có hơn gì chăng? Theo báo cáo điều tra năm 2012 ở 12 tỉnh thành phố của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW thì chỉ khoảng 200 USD/người/năm ở vùng trồng lúa. Những năm 1980, lúc nước ta còn phải xin viện trợ của các nước XHCN trên dưới 3 triệu tấn lương thực/năm, bình quân GDP/người của cả nước chỉ có 400 USD thì khu vực nông thôn cũng đã ở mức 200 USD. Sau hơn 30 năm đổi mới, nay theo số liệu chính thức, bình quân đầu người cả nước 1.600 USD mà nông thôn vẫn chỉ 200-300 USD thì chúng ta nói gì với nông dân? Họ có đáng “cần” hơn nữa không? Không biết có thể tin cậy vào số liệu của thời kỳ nào, nhưng về đại thể thì có thể khẳng định thu nhập của người dân ở khu vực nông thôn nếu không tương đương những năm 80 thì mức tăng thêm cũng không đáng là bao. *Nhân tố thứ tư là Giống* thì không biết nên đánh giá ra sao. Nếu nói chúng ta đang phát triển theo chỉ tiêu số lượng thì năng suất các loại cây con cũng không hơn ai. Còn chất lượng là đại vấn đề của nền nông nghiệp. Không lúa nước mà hầu hết các giống cây trồng khác, gần như cũng chẳng được quan tâm.

Khi xưa, ở những vùng khô hạn, nhất là các tỉnh Trung bộ và vùng ven biển, vùng núi và trung du, có rất nhiều loại lúa khác nhau không cần nhiều nước. Ngoài lúa nương của vùng núi, còn có giống lúa cấy “vùi” hay “phui” của vùng Nghệ Tĩnh cho đến Quảng Bình. Khi cấy không có nước, nhưng cứ gieo hay cấy xuống đó, rồi chờ trước sau Rằm tháng Bảy âm lịch, thể nào cũng có mưa và nhìn cánh đồng lúa tưởng đã chết hết, nhưng sau mưa là lúa tốt rất nhanh. Vùng ven biển, đất phèn hay “nước lợ” đều có giống lúa riêng. Bằng tư duy lúa nước, chúng ta đã cố làm thủy lợi cho tất cả các vùng và đương nhiên, tính bấp bênh là không tránh khỏi cho dù chúng ta bỏ ra bao nhiêu tiền đầu tư cũng thế thôi.

Chúng ta luôn nói đến ưu thế của một nền nông nghiệp đa dạng sinh học và đa vùng sinh thái, nhưng rốt cuộc đã quy về sự đơn điệu, đơn giản là lúa nước. Khoai sắn và hàng chục cây lương thực khác vẫn như thời cổ đã có thể nào cứ nguyên như thế, kể cả giống và công nghệ chế biến, bảo quản. Đây là điều khác xa giữa chúng ta với các nước nông nghiệp cạnh ta như Đài

Loan hoặc Thái Lan. Khi tôi hỏi một nhà khoa học nông nghiệp Đài Loan vì sao năng suất lúa và các loại cây trồng của Đài Loan thấp quá vậy thì ông ta đã trả lời: Khác với Đại lục và các bạn Việt Nam, nền nông nghiệp của chúng tôi chỉ quan tâm đến chất lượng mà không bận tâm nhiều đến số lượng như vài chục năm trước đây. Bây giờ mà không làm ra sản phẩm chất lượng cao và an toàn thì không bán được cho ai cả. Vẫn là nền văn minh lúa nước ấy thôi, mà họ lại ở giữa biển, khó khăn hơn chúng ta nhiều, nhưng họ không ngồi chờ phương Tây nghĩ giúp mà đã chịu nghĩ, chịu tìm những lối đi riêng cho bản thân nền nông nghiệp của họ, đặc biệt là giống các loại cây ăn trái và hải sản nuôi trồng.

\*\*\*

Vì sao gạo của Thái Lan luôn luôn bán giá cao hơn gạo VN? Theo tôi có 3 lý do: **Một là**, họ đã xuất khẩu gạo từ xưa chúng ta còn rất đói và đương nhiên, họ thành thạo thị trường, có thương hiệu ổn định đối với khách hàng, đặc biệt là khách hàng nhà giàu. Các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan chẳng hề có tí ưu việt gì về bao cấp của nhà nước cả, tự họ tìm kiếm thị trường rồi tự họ bơi trong cơ chế thị trường ấy. Không phải lúc nào họ cũng lãi, nhưng chữ tín cả với người tiêu dùng ở ngoài nước và với người nông dân trồng lúa trong nước thì họ phải giữ vì nếu không, trước hết họ mất thị trường trong nước mà mất thị trường trong nước thì lấy gì xuất khẩu? Ở ta, hai Tổng Công ty (TCT) I và II liệu đã bao giờ lo mất thị trường trong nước? Họ có quyền mua gạo giá thấp và không có gì ràng buộc họ

**Việc Chính phủ giao cho VFA “điều hành xuất khẩu gạo” thì có nghĩa Bộ Nông nghiệp và Chính phủ đã khẳng định cơ chế độc quyền trong xuất khẩu gạo như thời chưa đổi mới. Việc quay lại độc quyền như thế thì nông dân được lợi hay các TCT nhà nước được lợi là điều đã rõ.**

phải tìm bằng được khách hàng tốt để bán giá cao. **Hai là**, chất lượng gạo, bao gồm cả giống và công nghệ chế biến. Khi VN ra thị trường gạo thì những thị trường mà khách tiêu dùng có thu nhập cao như các nước phương Tây hay Trung Đông cơ bản đã có thương hiệu gạo Thái, gạo Nhật chiếm lĩnh. Khác với thói quen tiêu dùng gạo của người Việt, họ không bận tâm với chất lượng gạo dẻo, thơm... như “gu” người Việt, họ quen với gạo hạt dài của Thái và đánh bóng, nhặt sạch, trắng, đều tăm tắp “như các hạt nhựa”. Đó mới là gạo tốt nhất đối với người tiêu dùng ở các thị trường này. Mất nhiều năm, chúng ta không nhập được giống lúa có độ dài hạt gạo từ 6-6,2 mm như gạo loại I của Thái Lan nên phải cam chịu bán giá thấp sang các thị trường nghèo hơn. Những năm gần đây, ta có nhập được giống lúa hạt dài phù hợp với một số vùng ĐBSCL, nhưng chế biến chúng ta vẫn



thua Thái nên dù cùng một loại gạo vẫn thường khó cạnh tranh về giá với Thái Lan. **Ba là**, và có lẽ là nguyên nhân quan trọng nhất, đó là thói độc quyền dẫn tới vô trách nhiệm của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo nhà nước.

Trước năm 1997, tình hình xuất khẩu gạo ở ĐBSCL về cơ bản như tình hình hiện nay. Thủ tướng năm nào cũng phải lo mua lúa tạm trữ, xử lý lúa “chạy lũ” cho nông dân mà không mang lại lợi ích bao nhiêu cho người dân ĐBSCL. Lúc đó có 40 công ty xuất khẩu gạo quốc doanh của Tổng Công ty lương thực I và II độc quyền, còn tư nhân chỉ là các hành vựa mua gom cho các công ty quốc doanh là chủ yếu. Hạn ngạch xuất khẩu gạo được cấp cho 2 TCT cũng như một thứ giấy tờ có giá 2 USD/tấn. Vì thế một số công ty quốc doanh TW, đã bán quota cho các doanh nghiệp khác cũng đủ kiếm lời mà không cần xuất khẩu. Trước tình hình này Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đưa ra 3 quyết định hết sức quan trọng: 1/ Chính phủ nắm giữ hạn mức xuất khẩu hằng năm, lúc đó là 4 triệu tấn/năm. Khi các hợp đồng xuất khẩu gạo lên đến gần 4 triệu tấn thì Thủ tướng sẽ quyết định ngưng ký tiếp các hợp đồng, bất kể là giá cao như thế nào. Việc xuất thêm bao nhiêu là tùy thuộc vào thực tế số gạo có thể cho phép xuất do Thủ tướng quyết định. *Trên cơ sở này, xóa bỏ hạn ngạch xuất khẩu gạo đã tồn tại nhiều năm trước đó, cũng đồng thời chấm dứt một nguồn gốc tiêu cực mua bán hạn ngạch, hồi lộ dứt lốt cho các cơ quan có thẩm quyền và cho cả 2 TCT để có hạn ngạch xuất khẩu gạo,* 2/ Thủ tướng Võ Văn Kiệt khẳng định tại hội nghị 9 tỉnh ĐBSCL lúc đó rằng *nông nghiệp là lĩnh vực gắn bó rất chặt chẽ với sự lãnh đạo chỉ đạo của địa phương. Không lý gì năng hạn, bão lụt, sâu rầy... thì chính quyền địa phương và cơ sở lo toan ngược xuôi mà đến lúc làm ra hạt gạo xuất khẩu thì địa phương không có bất cứ quyền và lợi ích gì. Còn hai Tổng công ty chẳng làm gì, đóng góp gì vào quá trình sản xuất lại là người có quyền và lợi ích to nhất trong việc xuất khẩu gạo? Đây là điều vô lý.* Chính vì thế, Thủ tướng quyết định giao quyền xuất khẩu phần lớn gạo cho các tỉnh ĐBSCL (khoảng 60% tổng lượng gạo xuất khẩu), hai TCT lương thực I và II chỉ còn khoảng 40%. 3/ Đây là điều rất mới mẻ và thực tế đã tạo ra một sức cạnh tranh mới, động lực mới cho thị trường lúa gạo, đó là cho phép và tạo điều kiện để những doanh nghiệp tư nhân có đủ điều kiện được phép tìm thị trường và trực tiếp xuất khẩu gạo. Ngay từ năm đầu tiên đã có gần 40 doanh nghiệp tư nhân cùng xuất khẩu gạo. Thật ra, một phần lớn trong số họ là những công ty hoặc hành vựa đã có nhiều năm

gắn bó với các chủ gạo lớn ở Sài Gòn - Chợ Lớn trên lĩnh vực xuất khẩu gạo trước năm 1975, nên họ còn có “khách hàng quen” và kinh nghiệm nhất định trên thương trường quốc tế. Nhờ đó, các tỉnh ĐBSCL

không hề bị lúng túng trước quyết định này của Thủ tướng mà ngược lại, đã tạo được bước chuyển biến mới cho xuất khẩu lúa gạo ngay trong những năm sau đó.

Hiện nay là có thêm Hiệp hội lương thực Việt Nam (VFA) tham gia xuất khẩu gạo, nhưng thực chất thì VFA cũng do hai Tổng công ty làm

chủ và chi phối. Hai TCT này chiếm trên dưới 70% số lượng gạo xuất khẩu và họ còn có đặc quyền ra nước ngoài ký kết các hợp đồng lớn cấp Chính phủ rồi về “chia” cho các doanh nghiệp trong nước, mà đa phần các doanh nghiệp ấy cũng là thành viên của TCT. Nói khác đi thì đây lại là một “Siêu Tổng công ty nhà nước”, còn độc quyền cao hơn thời những năm 90 của thế kỷ trước. Việc Chính phủ giao cho VFA “điều hành xuất khẩu gạo” thì có nghĩa Bộ Nông nghiệp và Chính phủ đã khẳng định cơ chế độc quyền trong xuất khẩu gạo như thời chưa đổi mới. Việc quay lại độc quyền như thế thì nông dân được lợi hay các TCT nhà nước được lợi là điều đã rõ. Và những khó khăn, tiêu cực trong mua bán, xuất khẩu gạo như hiện nay cũng không phải là điều gì quá lạ lẫm.

\*\*\*

Nếu quan niệm rằng “bớt diện tích trồng lúa” (tức tái cấu trúc theo cách gọi của một số người) là một trong những giải pháp cơ bản để giải quyết các khó khăn trong nông nghiệp hiện nay thì e rằng kỳ vọng đó hơi quá, nếu không nói rằng đó là ảo tưởng một khi toàn bộ nền tảng chính sách cứ lặp đi lặp lại tình trạng quốc doanh là chủ đạo và nắm giữ độc quyền; các hợp tác xã là tổ chức kinh tế tất yếu bảo đảm cho nông nghiệp phát triển theo định hướng XHCN; đất đai là sở hữu toàn dân, lại chỉ giao khoán theo thời hạn ngắn mà “người giao khoán” ngoài việc tận thu hàng chục khoản phí khác nhau thì không có bất cứ trách nhiệm đáng kể nào đối với quá trình đầu tư sản xuất của các hộ nông dân... Ai đó đã nói đúng, không thể đặt trách nhiệm bảo đảm an ninh lương thực cho cả quốc gia này lên cái vai gầy của người nông dân được. Nếu biết vấn đề an ninh lương thực cho quốc gia là một vấn đề có tầm chiến lược thì trách nhiệm và chính sách đối với người nông dân và nông thôn phải rất khác. □